

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 28 - 8 - 2025  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Nhất

Bà Trần Thị Kim Khuyên.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông L, C-KUN, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A, đoạn A, đường N, xóm G, thôn Q, xã C, huyện M, Đài Loan, “vắng mặt”.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Tổ dân phố V, xã L, tỉnh Phú Thọ), “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông L, C-Kun trình bày:* Ông L, C-K và chị Nguyễn Thị Y đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, ông và chị Y được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống giữa ông và chị Y xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, các bên không có tiếng nói chung. Hiện ông L, C-Kun đang sinh sống tại Đài Loan, chị Y đang sinh sống tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý xa xôi, bất đồng về ngôn ngữ nên cuộc sống chung không tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y để các bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Ông L, C-K và chị Y không có con chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, ông L, C-K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết nhanh vụ án.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y có bản tự khai thừa nhận toàn bộ lời trình bày của ông L, C-K về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Ngoài ra, chị Y còn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị. Lý do xin vắng mặt là do bận công việc, không thu xếp được thời gian đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

Về tình cảm: Chị Y cũng xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với ông L, C-K để các bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Chị Y không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Y không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn ông L, C-Kun khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Y. Ông L, C-Kun là người hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan; bị đơn chị Nguyễn Thị Y là người đang cư trú, sinh sống, làm việc tại Việt Nam. Căn cứ quy định tại Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Bị đơn chị Y có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố V, xã L, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Căn cứ quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn”.

[2] Về tố tụng: Do nguyên đơn không có mặt tại Việt Nam và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt là thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vì

vậy, Tòa án không mở phiên họp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 477 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn ông L,C-Kun với bị đơn chị Nguyễn Thị Y là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn để mỗi bên được tạo lập cuộc sống mới theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông L,C-K và chị Y không có con chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Ông L,C-Kun phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông L, C-K và chị Nguyễn Thị Y.
2. Về án phí: Ông L, C-K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000240 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận ông L, C-Kun đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Trang**